TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 97/2019/HS-ST

Ngày: 30-11-2019

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc H

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Mai Trần Phúc;

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng- Thư ký Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Lai- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2019/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HS ngày 18-11-2019 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Hoàng P**, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P Lập, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trịnh Văn Bình và bà Dương Thị Cho; có vợ: Nguyễn Thị Tú Trinh (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-10-2019 đến ngày 14-12-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp P Thạnh, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Chưa và bà Lê Thị Thu; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07-10-2019 đến ngày 14-12-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. **Đỗ Trọng N** (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp P Thạnh, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đỗ Văn Phong và bà Nguyễn Thị Lệ; có vợ: Nguyễn P T2; con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 27/2019/HSST ngày 02-7-2019 của Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội " Đánh bạc"; tiền sự: tại Quyết định số 164/QĐ-XPVPHC ngày 15-10-2018 của Công an huyện Châu Thành xử phạt Đỗ Trọng N số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; về N thân bị cáo: tại Bản án số: 07/2011/HSST ngày 18-02-2011 của Tòa án N dân huyện Châu Thành xử phạt Đỗ Trọng N 06 tháng tù về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06-8-2019, tạm giam ngày 15-8-2019 cho đến nay.(có mặt)

4. **Nguyễn Thành T1** (tên gọi khác: Đê), sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp P Thạnh, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Thành Đức và bà Trần Thị Hấn; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc Bích và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC ngày 30-5-2019 của Công an xã P V, huyện Châu Thành xử phạt Nguyễn Thành T1 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; về N thân: Bản án số: 43/2011/HSST ngày 28-7-2011 của Tòa án N dân huyện Châu Thành xử phạt Nguyễn Thành T1 06 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06-8-2019, tạm giam ngày 15-8-2019 cho đến ngày 29-10-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

5. **Nguyễn Văn N** (tên gọi khác: Tý), sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp Vịnh, xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Lê và bà Phan Thị Xứng; vợ, con: Chưa có; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định số 43/QĐ-XPVPHC ngày 30-5-2019 của Công an xã P V, huyện Châu Thành xử phạt Nguyễn Văn N số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06-8-2019, tạm giam ngày 15-8-2019 cho đến ngày 29-10-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. **Danh Thị P T2**, sinh năm 1987, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp P Hòa, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ uốn tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới Th: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt N; con ông Danh Đen và bà Lê Thị Hạnh; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; về N thân: Bản án số: 100/2013/HSST ngày 20-11-2013 của Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt Danh Thị P T2 10.000.000 đồng về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16-10-2019 đến ngày 14-12-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

7. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp 3, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Bê và bà Nguyễn Thị Vững; có vợ: Nguyễn Thị Thủy và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-9-2019 đến ngày 14-10-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

8. **Trương Hoàng M**, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp 3, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trương Hoàng Dũng và bà Nguyễn Thị Vui; có vợ: Lê Thị Trang Đài và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-9-2019 đến ngày 14-10-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

9. **Trần NA** (tên gọi khác: Nhã), sinh năm 1994, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P Lộc, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Kim Hạnh (chết) và bà Đỗ Hòa Hiệp; có vợ: Đinh T2 Trúc; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17-9-2019 đến ngày 14-10-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

10. **Trần Tuấn H** (tên gọi khác: Bé Em), sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P Lợi, xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới Th: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Ngọc Lợi (chết) và bà Trần Thị Ngọc Nhung (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-10-2019 đến ngày 14-12-2019. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 05/8/2019, Nguyễn Trung T hỏi mượn Hồ Văn Tình, sinh năm 1989, ngụ ấp Sân Lễ, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh số tiền 5.000.000 đồng để làm cái đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền tại nhà của Trịnh Hoàng P cho Nguyễn Thành T1, Đỗ Trọng N, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H tham gia đặt cược đến 21 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Châu Thành kiểm tra bắt giữ. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.750.000 đồng; trên người các bị cáo số tiền 15.783.000 đồng và nhiều tang vật khác có liên quan. Nguyễn Trung T chạy thoát đến

ngày 07/10/2019 thì đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đầu thú và giao nộp số tiền 4.500.000 đồng.

Hình thức lắc tài xỉu là T sử dụng 03 hạt xí ngầu bỏ vào trong 01 đĩa nhỏ rồi đậy chén lại để lắc. Người tham gia cá cược sẽ đặt "tài" hoặc "xỉu". Nếu tổng số của 03 hạt xí ngầu từ 04-10 điểm là "xỉu", từ 11-17 là "tài". Nếu 03 hạt xí ngầu giống nhau tổng điểm là 03 hoặc 06 hoặc 09 gọi là "bão xỉu", còn tổng điểm là 12 hoặc 15 hoặc 18 gọi là "bão tài". Số tiền đặt cược lớn nhất là 500.000 đồng, nhỏ nhất là 50.000 đồng. T quy định số tiền cá cược giữa tài và xỉu không Đ chênh lệch quá số tiền 500.000 đồng. Nếu số tiền đặt cược chênh lệch hơn 500.000 đồng thì T sẽ chia lại cho Nguyễn Thành T1 và Đỗ Trọng N để thắng thua với người tham gia đặt cược. Từ lúc tổ chức cá cược tại nhà của P, T đã cho P số tiền 100.000 đồng tiền xâu, ngày 05/8/2019 P chưa nhận tiền. Khi lực lượng Công an đến, T đã thua hết 500.000 đồng và cầm 4.500.000 đồng bỏ chạy.

Số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc cụ thể như sau:

1. Đỗ Trọng N mang theo số tiền 1.020.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng cá cược theo nhà cái để thắng, thua với những người tham gia đặt cược Đ 03 ván, mỗi ván số tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, kết quả thắng 500.000 đồng. Thu giữ trên người 1.520.000 đồng.

2. Nguyễn Thành T1 mang theo số tiền 1.210.000 đồng, sử dụng cá cược theo nhà cái để thắng, thua với những người tham gia đặt cược Đ 02 ván, mỗi ván số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thắng 100.000 đồng và bỏ tại chiếu bạc. Thu giữ trên người 1.210.000 đồng.

3. Nguyễn Văn N mang theo số tiền 2.315.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua 300.000 đồng. Thu giữ trên người 2.015.000 đồng.

4. Nguyễn Văn V mang theo số tiền 1.564.000 đồng, sử dụng 564.000 đồng tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả thua 100.000 đồng, ván thứ 03 đặt cược 200.000 đồng chưa phân thắng, thua thì bị bắt. Thu giữ trên người 1.264.000 đồng.

5. Trương Hoàng M mang theo số tiền 5.720.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 200.000 đồng, kết quả không thắng không thua. Thu giữ trên người 5.720.000 đồng.

6. Trần NA mang theo số tiền 3.004.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng tham gia đặt cược khoảng 05 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, kết quả thắng 1.050.000 đồng. Thu giữ trên người 4.054.000 đồng.

7. Danh Thị P T2 mang theo số tiền 500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, kết quả thua 500.000 đồng.

8. Trần Tuấn H mang theo số tiền 4.707.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng tham gia đặt cược 02 ván, mỗi 100.000 đồng, kết quả thua 200.000 đồng, sau đó nghỉ cá cược và ngồi xem thì bị bắt. Thu giữ trên người 4.507.000 đồng.

Tổng số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 12.424.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số: 94/QĐ-KSĐT ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Trịnh Hoàng P, Nguyễn Trung T, Đỗ Trọng N, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo: Trịnh Hoàng P từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Nguyễn Trung T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Đỗ Trọng N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn N từ 03 tháng đến 06 tháng tù; Danh Thị P T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo: Nguyễn Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Trương Hoàng M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Trần NA từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Trần Tuấn H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì bào chữa cho mình.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà, bị cáo Trịnh Hoàng P, Nguyễn Trung T, Đỗ Trọng N, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Xét lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với biên bản vụ việc, biên bản xác M, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Trịnh Hoàng P, Nguyễn Trung T, Đỗ Trọng N, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H tham gia đánh bạc với tổng số tiền 12.424.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trịnh Hoàng P, Nguyễn Trung T, Đỗ Trọng N, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt Đ quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Vụ án mang Th chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Xét vai trò, Th chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

- Bị cáo Trịnh Hoàng P, mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, không tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng đã cho các bị cáo mượn nhà của mình để đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc.

- Bị cáo Nguyễn Trung T là người thường xuyên tham gia đánh bạc và thường xuyên đứng ra làm cái cho các con bạc tham gia đặt cược nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

- Đỗ Trọng N mang theo số tiền 1.020.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Thành T1 mang theo số tiền 1.210.000 đồng, sử dụng để đánh bạc; Nguyễn Văn N mang theo số tiền 2.315.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn V mang theo số tiền 1.564.000 đồng, sử dụng 564.000 đồng tham gia đánh bạc; Trương Hoàng M mang theo số tiền 5.720.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng

tham gia đánh bạc; Trần NA mang theo số tiền 3.004.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc; Danh Thị P T2 mang theo số tiền 500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng tham gia đánh bạc; Trần Tuấn H mang theo số tiền 4.707.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng tham gia đánh bạc do T làm cái nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với Th chất, mức độ về hành vi của mình.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và N thân của từng bị cáo

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo P, T, N, V, M, NA và Tuấn H lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ Đ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ Đ Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N đã từng bị kết án về tội "Đánh bạc" chưa Đ xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Đ quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo P, T, T1, N, V, M, NA, T2 và Tuấn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về N thân các bị cáo: Bị cáo T1, bị cáo N và bị cáo T2 có N thân xấu. Ngày 28-7-2011, bị cáo T1 bị Tòa án N dân huyện Châu Thành xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc (đã xóa án tích) và ngày 30-5-2019, bị cáo T1 bị Công an xã P V huyện Châu Thành phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc cho đến nay chưa xóa tiền sự;

Bị cáo N, ngày 30-5-2019, bị Công an xã P V huyện Châu Thành phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc cho đến nay chưa xóa tiền sự;

Bị cáo T2, năm 2013 đã từng bị Tòa án N dân huyện Châu Thành xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc (đã xóa án tích).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo N, T1, N, T2 một mức án tưng xứng với hành vi của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo Đ sự răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo N phạm tội trong thời gian chờ chấp hành hình phạt 03 tháng tù của Bản án số 27/2019/HSST ngày 02-7-2019 của Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này và Bản án số 27/2019/HSST ngày 02-7-2019 của Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định pháp luật.

Bị cáo N lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với 02 bị cáo.

Xét thấy mức hình phạt tù đối với bị cáo Trịnh Hoàng P và Nguyễn Trung T là không quá 03 năm; có N thân tốt và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo P và T có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt 02 bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc cho 02 bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo V, M, NA, Tuấn H lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo này có khả năng tự cải tạo Đ nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử các bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời cũng đảm bảo Th khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo P, T, N, T1, N, T2 và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo V, M, NA, Tuấn H.

[5] Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- **Thu giữ của Trịnh Hoàng P**: Tiền Việt N: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng và 01 (Một) tấm manh bằng nhựa, bên trên bề mặt có ghi chữ "T" và "X". Đây là tiền liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ và manh bằng nhựa là công cụ liên quan đến việc phạm tội tịch thu tiêu hủy.

- **Thu giữ của Nguyễn Trung T**: Tiền Việt N: 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A83, màu hồng; số IMEI 1: 869600033357317; số IMEI 2: 869600033357309 (Đã qua sử dụng) dùng để liên lạc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ.

+ 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Deamaco, kiểu dáng Sirius, màu xám, số máy: VLF1P52FMH370506981, số khung: RL8WCHEHY71006981, biển số: 70P1-5125 (Đã qua sử dụng) là tài sản cá N của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- **Thu giữ của Đỗ Trọng N:** Tiền Việt N: 1.520.000 (Một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó có 1000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ. Trả lại cho bị cáo N số tiền 520.000 (Năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số IMEI: 352877106288371 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, IMEI 1: 352876108434017, số IMEI 2: 352876109434016 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, số máy: C100ME8174561, số khung: C100M8174561, biển số: 70D1-316.67 (Đã qua sử dụng) là tài sản cá N của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Nguyễn Thành T1: Tiền Việt N: 1.210.000 (Một triệu hai trăm mười nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ.

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 8110, màu đen, Số IMEI 1: 353420095982941, số IMEI 2: 353420098898946 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu WAYEC, màu vàng, số máy: RNRHA152FMH 127945, số khung: RNRWCH1UMB1 127945, biển số: 70H1-017.22 (Đã qua sử dụng) là tài sản cá N của bị cáo T1 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Nguyễn Văn N: Tiền Việt N: 2.015.000 (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu xám, số IMEI: 355414077279242 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu vàng-đen, số máy: 5B95-146309, số khung: RLCJ5B950CY 146388, biển số: 70D1-231.09 (Đã qua sử dụng) là tài sản cá N của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.(do 300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc bị cáo đã thua trước khi bị bắt).

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 5, màu đen-xám, số IMEI: 013719000867135 (Đã qua sử dụng) của bị cáo N dùng liên lạc với bị cáo T để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ.

- Thu giữ của Nguyễn Văn V: Tiền Việt N: 1.264.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng, trong đó có 264.000 (Hai trăm sáu mươi bốn) đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ, trả lại cho bị cáo 1.000.000 (Một triệu) đồng là tiền cá N của bị cáo V. (do 300.000 đồng đã thua trước khi bị bắt)

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 6300, màu vàng, số sêri: 359538018638912 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Fashion, màu đen, số máy: VTLZS152FMH00046985, số khung: RRSWOH6RS61-006273, biển số: 62B1-264.76 (Đã qua sử dụng). Đây là tài sản cá N của bị cáo V không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Trương Hoàng M: Tiền Việt N: 5.720.000 (Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó có 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ; trả lại cho bị cáo M 5.320.000 (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng là tiền cá N của bị cáo.

+01 (Một) Điện thoại di động nhái nhãn hiệu Vertu, màu đen-vàng, số IMEI 1: 353800813066871, số IMEI 2: 353800813066889 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô không rõ nhãn hiệu, màu xám, số máy: VVT1P52FMH003860, số khung: AWCH60M6A003860, biển số: 70F7-5426 (Đã qua sử dụng). Đây là tài sản cá N của bị cáo M không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Trần NA: Tiền Việt N: 4.054.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, trong đó có 2.050.000 (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ; trả lại cho bị cáo Anh 2.004.000 (Hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn) đồng tiền cá N của bị cáo.

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A37, màu vàng, số IMEI 1: 865262037544996, số IMEI 2: 865262037544988 (Đã qua sử dụng). Đây là tài sản cá N của bị cáo Anh không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Danh Thị P T2: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355429076008731 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 216, màu xanh, số IMEI 1: 357343084980922, số IMEI 2: 357343088980928 (Đã qua sử dụng). Đây là tài sản cá N của bị cáo T2 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Trần Tuấn H: Tiền Việt N còn lại: 4.507.000 (Bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn) đồng là tiền cá N của bị cáo H nên trả lại cho bị cáo. (do 200.000 đồng đã thua trước khi bị bắt)

- Thu giữ tại chiếu bạc: Tiền Việt N 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ; 22 (Hai mươi hai) hột xí ngầu, 03 (Ba) chén bằng nhựa, 03 (Ba) đĩa bằng nhựa. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Hoàng P, Nguyễn Trung T, Đỗ Trọng N, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V, Trương Hoàng M, Trần NA, Danh Thị P T2, Trần Tuấn H phạm tội "Đánh bạc".

1. Về hình phạt:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trịnh Hoàng P 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng Th từ ngày tuyên án.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng Th từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Hoàng P và Nguyễn Trung T về Ủy ban N dân xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Đỗ Trọng N 06 (Sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 03 tháng tù của Bản án số 27/2019/HSST ngày 02-7-2019

của Tòa án N dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung là 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 06-8-2019 (ngày tạm giữ).

4. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T1 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng Đ khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-8-2019 đến 29-10-2019.

5. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 03(Ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng Đ khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-8-2019 đến 29-10-2019.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Danh Thị P T2 03(Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 09(Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo V.

8. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trương Hoàng M 09(Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo M.

9. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần NA 09(Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo NA.

10. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn H 09(Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H.

Giao bị cáo V, M, NA và Tuấn H cho UBND xã P V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời giam cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ Th từ ngày cơ quan, tổ chức Đ giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận Đ Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2. Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Trịnh Hoàng P: Tiền Việt N: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng và 01 (Một) tấm manh bằng nhựa, bên trên bề mặt có ghi chữ "T" và "X".

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Trung T: Tiền Việt N: 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc và 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A83, màu hồng; số IMEI 1: 869600033357317; số IMEI 2: 869600033357309 (Đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo T 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Deamaco, kiểu dáng Sirius, màu xám, số máy: VLF1P52FMH370506981, số khung: RL8WCHEHY71006981, biển số: 70P1-5125 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Đỗ Trọng N: Tiền Việt N: 1000.000 (Một triệu) đồng.

Trả lại cho bị cáo N số tiền 520.000 (Năm trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, số IMEI: 352877106288371 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 105, màu đen, IMEI 1: 352876108434017, số IMEI 2: 352876109434016 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, số máy: C100ME8174561, số khung: C100M8174561, biển số: 70D1-316.67 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Thành T1: Tiền Việt N: 1.210.000 (Một triệu hai trăm mười nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo T1: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 8110, màu đen, Số IMEI 1: 353420095982941, số IMEI 2: 353420098898946 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu WAYEC, màu vàng, số máy: RNRHA152FMH 127945, số khung: RNRWCH1UMB1 127945, biển số: 70H1-017.22 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn N 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 5, màu đen-xám, số IMEI: 013719000867135 (Đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo N: Tiền Việt N: 2.015.000 (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu xám, số IMEI: 355414077279242 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu vàng-đen, số máy: 5B95-146309, số khung: RLCJ5B950CY 146388, biển số: 70D1-231.09 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn V: Tiền Việt N: 264.000 (Hai trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo V 1.000.000 (Một triệu) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 6300, màu vàng, số sêri: 359538018638912 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Fashion, màu đen, số máy: VTLZS152FMH00046985, số khung: RRSWOH6RS61-006273, biển số: 62B1-264.76 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Trương Hoàng M: Tiền Việt N: 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo M 5.320.000 (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhái nhãn hiệu Vertu, màu đen-vàng, số IMEI 1: 353800813066871, số IMEI 2: 353800813066889 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) xe môtô không rõ nhãn hiệu, màu xám, số máy: VVT1P52FMH003860, số khung: AWCH60M6A003860, biển số: 70F7-5426 (Đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Trần NA: Tiền Việt N: 2.050.000 (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Anh 2.004.000 (Hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A37, màu vàng, số IMEI 1: 865262037544996, số IMEI 2: 865262037544988 (Đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Danh Thị P T2: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu hồng, số IMEI: 355429076008731 (Đã qua sử dụng); 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại 216, màu xanh, số IMEI 1: 357343084980922, số IMEI 2: 357343088980928 (Đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn H: Tiền Việt N: 4.507.000 (Bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu giữ tại chiếu bạc: Tiền Việt N 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 22 (Hai mươi hai) hột xí ngầu, 03 (Ba) chén bằng nhựa, 03 (Ba) đĩa bằng nhựa.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ

Nguyễn Quốc H